

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Nguyễn Lan Anh	HK1	6.9 ₂₂	7.7 ₃	8.3 ₇	7.2 ₁₁	7.3 ₃₀	7.7 ₇	6.1 ₂₉	7.6 ₆	7.2 ₂₀	6.6 ₂₆	7.3 ₁₀	Đ			7.3 ₁₉	0 0	K	T	TT	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	HK1	7.9 ₉	7.6 ₇	7.9 ₁₆	6.2 ₂₈	7.7 ₁₉	7.3 ₂₂	6.9 ₂₄	7.0 ₂₀	7.5 ₁₃	6.6 ₂₆	6.9 ₂₂	Đ			7.2 ₂₂	0 0	K	T	TT	
3	Nguyễn Ngọc Anh	HK1	6.0 ₂₈	6.2 ₂₇	8.1 ₁₂	6.0 ₂₉	7.8 ₁₅	7.8 ₃	6.5 ₂₆	6.8 ₂₄	7.3 ₁₇	5.8 ₃₁	6.7 ₂₉	Đ			6.8 ₃₀	0 0	K	T	TT	
4	Đặng Thị Thu Anh	HK1	8.5 ₃	6.8 ₁₈	7.9 ₁₆	5.8 ₃₂	7.8 ₁₅	7.5 ₁₅	7.9 ₉	7.4 ₉	8.5 ₂	7.6 ₁₂	7.2 ₁₅	Đ			7.5 ₁₂	0 0	K	T	TT	
5	Nguyễn Thị Yên Anh	HK1	7.5 ₁₅	6.6 ₂₂	8.0 ₁₄	6.7 ₂₂	8.0 ₁₀	7.7 ₇	7.3 ₁₇	7.3 ₁₃	7.6 ₁₂	7.6 ₁₂	7.4 ₆	Đ			7.4 ₁₅	1 0	K	T	TT	
6	Đỗ Thị Ngọc Ánh	HK1	7.7 ₁₂	7.7 ₃	8.5 ₂	7.8 ₄	8.5 ₄	7.8 ₃	7.6 ₁₂	7.9 ₁	7.5 ₁₃	7.6 ₁₂	7.6 ₃	Đ			7.8 ₃	0 0	K	T	TT	
7	Hoàng Tiến Cường	HK1	6.7 ₂₃	5.9 ₃₁	7.1 ₂₉	6.7 ₂₂	8.2 ₇	7.3 ₂₂	7.2 ₁₈	6.8 ₂₄	6.6 ₂₇	6.9 ₂₀	6.8 ₂₆	Đ			6.9 ₂₅	0 0	K	T	TT	
8	Trần Thị Thủy Dung	HK1	8.3 ₅	7.7 ₃	7.9 ₁₆	7.7 ₇	7.8 ₁₅	7.5 ₁₅	7.6 ₁₂	6.9 ₂₁	7.5 ₁₃	7.9 ₈	7.5 ₄	Đ			7.7 ₄	1 0	K	T	TT	
9	Cao Thị Duyên	HK1	7.3 ₁₇	6.8 ₁₈	8.1 ₁₂	7.2 ₁₁	7.4 ₂₉	7.2 ₂₆	7.6 ₁₂	7.7 ₄	7.5 ₁₃	6.8 ₂₂	7.4 ₆	Đ			7.4 ₁₅	0 0	K	T	TT	
10	Phạm Trinh Thủy Dương	HK1	5.5 ₃₁	7.1 ₁₂	7.5 ₂₄	7.8 ₄	7.6 ₂₂	7.7 ₇	7.6 ₁₂	6.8 ₂₄	7.7 ₁₁	7.9 ₈	7.1 ₁₇	Đ			7.3 ₁₉	0 0	K	T	TT	
11	Hoàng Thúy Hà	HK1	7.9 ₉	6.4 ₂₄	8.3 ₇	6.8 ₂₀	7.8 ₁₅	7.7 ₇	7.4 ₁₆	6.8 ₂₄	7.8 ₉	8.5 ₃	6.3 ₃₁	Đ			7.4 ₁₅	0 0	K	T	TT	
12	Nguyễn Thị Hạnh	HK1	5.9 ₃₀	6.0 ₃₀	7.8 ₂₀	6.6 ₂₅	7.6 ₂₂	7.5 ₁₅	6.9 ₂₄	6.9 ₂₁	7.2 ₂₀	6.9 ₂₀	7.2 ₁₅	Đ			7.0 ₂₄	1 0	K	T	TT	
13	Nguyễn Thị Hằng	HK1	8.0 ₇	6.2 ₂₇	7.0 ₃₁	6.0 ₂₉	7.6 ₂₂	7.0 ₂₉	6.1 ₂₉	7.1 ₁₇	7.3 ₁₇	6.7 ₂₅	7.3 ₁₀	Đ			6.9 ₂₅	2 0	K	T	TT	
14	Nguyễn Thu Hiền	HK1	6.1 ₂₇	6.5 ₂₃	7.8 ₂₀	6.8 ₂₀	7.5 ₂₈	7.0 ₂₉	6.3 ₂₇	7.1 ₁₇	6.2 ₃₀	5.9 ₃₀	6.9 ₂₂	Đ			6.7 ₃₁	0 0	K	T	TT	
15	Nguyễn Thị Thanh Hương	HK1	7.2 ₁₈	6.9 ₁₆	8.4 ₄	7.2 ₁₁	7.9 ₁₃	7.3 ₂₂	7.9 ₉	6.9 ₂₁	7.2 ₂₀	8.6 ₁	7.1 ₁₇	Đ			7.5 ₁₂	0 0	K	T	TT	
16	Bùi Thị Linh	HK1	8.5 ₃	6.7 ₂₀	8.0 ₁₄	7.9 ₂	7.6 ₂₂	7.5 ₁₅	7.2 ₁₈	7.2 ₁₆	8.2 ₄	7.8 ₁₀	7.4 ₆	Đ			7.6 ₇	0 0	K	T	TT	
17	Vũ Hoàng Long	HK1	5.5 ₃₁	4.8 ₃₃	6.6 ₃₃	6.6 ₂₅	7.3 ₃₀	7.0 ₂₉	5.9 ₃₂	6.8 ₂₄	5.9 ₃₃	6.3 ₂₈	7.1 ₁₇	Đ			6.3 ₃₂	0 0	Tb	T		
18	Lê Thị Nguyên	HK1	7.4 ₁₆	6.4 ₂₄	7.5 ₂₄	5.5 ₃₃	7.1 ₃₂	7.2 ₂₆	6.0 ₃₁	7.4 ₉	8.2 ₄	6.1 ₂₉	7.3 ₁₀	Đ			6.9 ₂₅	0 0	K	T	TT	
19	Vũ Thị Thu	HK1	8.6 ₂	7.2 ₁₁	8.2 ₉	7.5 ₉	8.4 ₅	7.3 ₂₂	5.6 ₃₃	7.5 ₈	8.0 ₈	7.6 ₁₂	7.3 ₁₀	Đ			7.6 ₇	0 0	K	T	TT	
20	Nguyễn Thị Thúy	HK1	7.9 ₉	7.4 ₈	8.4 ₄	7.9 ₂	8.8 ₁	8.2 ₁	8.1 ₄	7.9 ₁	7.8 ₉	8.4 ₄	6.9 ₂₂	Đ			8.0 ₁	0 0	G	T	GIOI	
21	Lê Thị Bảo Thương	HK1	7.1 ₂₀	7.4 ₈	7.1 ₂₉	6.0 ₂₉	7.7 ₁₉	7.7 ₇	7.1 ₂₁	7.7 ₄	9.1 ₁	8.1 ₆	6.3 ₃₁	Đ			7.4 ₁₅	0 0	K	T	TT	
22	Nguyễn Thị Kiều Trang	HK1	8.0 ₇	7.1 ₁₂	8.2 ₉	7.0 ₁₇	8.0 ₁₀	7.9 ₂	8.4 ₁	7.3 ₁₃	7.3 ₁₇	8.1 ₆	6.8 ₂₆	Đ			7.6 ₇	1 0	K	T	TT	
23	Nguyễn Thu Trang	HK1	8.1 ₆	7.0 ₁₄	8.7 ₁	7.0 ₁₇	8.1 ₉	7.8 ₃	8.1 ₄	6.8 ₂₄	8.5 ₂	6.8 ₂₂	7.7 ₁	Đ			7.7 ₄	0 0	K	T	TT	
24	Nguyễn Thùy Trang	HK1	7.6 ₁₄	7.7 ₃	7.6 ₂₃	7.0 ₁₇	8.6 ₃	7.7 ₇	8.1 ₄	7.3 ₁₃	8.1 ₇	7.6 ₁₂	7.7 ₁	Đ			7.7 ₄	0 0	K	T	TT	
25	Nguyễn Văn Trường	HK1	6.0 ₂₈	6.4 ₂₄	6.7 ₃₂	6.5 ₂₇	6.8 ₃₃	6.5 ₃₃	6.2 ₂₈	6.8 ₂₄	6.1 ₃₂	4.9 ₃₃	6.4 ₃₀	Đ			6.3 ₃₂	0 0	Tb	T		
26	Lê Thị Vân	HK1	6.5 ₂₆	7.8 ₁	7.3 ₂₆	7.6 ₈	7.9 ₁₃	7.7 ₇	7.0 ₂₃	7.6 ₆	6.9 ₂₄	7.5 ₁₈	6.3 ₃₁	Đ			7.3 ₁₉	0 0	K	T	TT	
27	Nguyễn Thị Vân	HK1	7.2 ₁₈	6.9 ₁₆	7.3 ₂₆	7.2 ₁₁	7.7 ₁₉	6.8 ₃₂	7.1 ₂₁	5.6 ₃₃	6.8 ₂₆	5.6 ₃₂	7.3 ₁₀	Đ			6.9 ₂₅	2 0	K	T	TT	
28	Nguyễn Thị Hải Yên	HK1	6.7 ₂₃	5.9 ₃₁	7.3 ₂₆	6.7 ₂₂	7.6 ₂₂	7.2 ₂₆	7.7 ₁₁	7.8 ₃	6.2 ₃₀	7.8 ₁₀	7.4 ₆	Đ			7.1 ₂₃	1 0	K	T	TT	
29	Phạm Minh Yên	HK1	7.1 ₂₀	7.4 ₈	8.5 ₂	8.7 ₁	8.8 ₁	7.8 ₃	8.3 ₂	7.1 ₁₇	8.2 ₄	8.2 ₅	6.8 ₂₆	Đ			7.9 ₂	0 0	K	T	TT	
30	Lê Thị Yên	HK1	9.2 ₁	6.7 ₂₀	7.9 ₁₆	7.2 ₁₁	8.4 ₅	7.4 ₂₁	8.1 ₄	6.8 ₂₄	6.3 ₂₉	8.6 ₁	7.5 ₄	Đ			7.6 ₇	0 0	K	T	TT	
31	Lê Thị Yên	HK1	5.5 ₃₁	6.2 ₂₇	7.8 ₂₀	7.1 ₁₆	7.6 ₂₂	7.5 ₁₅	7.2 ₁₈	6.4 ₃₂	6.4 ₂₈	7.3 ₁₉	6.9 ₂₂	Đ			6.9 ₂₅	0 0	K	T	TT	
32	Phạm Thị Yên	HK1	7.7 ₁₂	7.0 ₁₄	8.4 ₄	7.8 ₄	8.2 ₇	7.5 ₁₅	8.2 ₃	7.4 ₉	6.9 ₂₄	7.6 ₁₂	7.0 ₂₁	Đ			7.6 ₇	0 0	K	T	TT	
33	Mạc Thu Yên	HK1	6.6 ₂₅	7.8 ₁	8.2 ₉	7.5 ₉	8.0 ₁₀	7.7 ₇	8.1 ₄	7.4 ₉	7.2 ₂₀	6.8 ₂₂	7.1 ₁₇	Đ			7.5 ₁₂	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	------	--------	-----	------	-----	------------	------	--------	--------------	------	--------	------	------	--	-----	----------------	------------	--------------	--------------	------------

Số ngày nghỉ có phép: 9

Số ngày nghỉ không phép: 0

Hạnh kiểm:

Học lực:

Danh hiệu:

- Tốt: 33

- Khá: 0

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

- Giỏi: 1

- Khá: 30

- Trung bình: 2

- Yếu: 0

- Kém: 0

- Giỏi: 1

- Tiên tiến: 30

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)